Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước tháng Tám và tám tháng năm 2011

Đơn vị tính: *Tỷ đồng*

	Thực hiện tháng 7 năm 2011	Ước tính tháng 8 năm 2011	Cộng dồn 8 tháng năm 2011	8 tháng năm 2011 so với kế hoạch năm 2011(%)	8 tháng năm 2011 so với cùng kỳ năm 2010 (%)
TỔNG SỐ	**17837**	**18547**	**111084**	**58,3**	**108,7**
Phân theo cấp quản lý					
Trung ương	4478	4623	26853	64,2	108,1
Địa phương	13359	13924	84231	56,7	108,9
Một số Bộ					
Bộ NN và PTNT	396	412	2721	74,1	116,5
Bộ Công Thương	398	405	2419	59,3	110,6
Bộ Y tế	96	105	634	70,5	106,7
Bộ Giáo dục và Đào tạo	117	114	612	68,1	107,8
Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch	72	74	403	72,3	105,0
Bộ Xây dựng	75	76	396	40,3	89,3
Một số địa phương					
Hà Nội	1862	1899	11069	55,2	111,5
TP. Hồ Chí Minh	1302	1432	8864	62,8	108,2
Đà Nẵng	563	584	4924	85,9	104,3
Quảng Ninh	453	458	2858	64,4	98,7
Bà Rịa - Vũng Tàu	145	168	2067	63,6	106,1
Hậu Giang	183	168	1791	107,4	107,2
Hà Tĩnh	271	289	1703	69,7	86,8
Vĩnh Phúc	295	366	1690	44,2	112,1
Lào Cai	313	343	1668	48,4	147,2
Bình Dương	280	297	1647	55,4	112,1
Cần Thơ	117	124	1539	67,7	87,5
Đồng Nai	232	237	1521	47,8	133,7
Quảng Ngãi	176	178	1402	75,0	83,3
Khánh Hoà	171	180	1350	50,8	120,3
Hải Phòng	181	212	1264	66,0	90,1
Lâm Đồng	181	207	1226	89,0	91,9
Tiền Giang	192	194	1137	64,6	107,2
Thừa Thiên - Huế	166	174	1096	71,0	98,2
Đắk Lắk	136	137	1058	59,6	142,2
Long An	166	152	899	44,5	101,2
Ninh Thuận	129	123	771	54,4	110,1
Sơn La	171	153	699	62,0	132,8
Hưng Yên	86	90	584	43,9	117,9